

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 20/2018/HS-ST
Ngày 17 - 4 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Lệ Hường;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Bình;

Ông Nguyễn Viết Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2018, đối với bị cáo:

Vi Thị Hồng A (tên gọi khác: Lương Thị H), sinh ngày 02/6/1991, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Làng Đ, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Biết đọc, biết viết; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn T và bà Trương Thị X (tên gọi khác: Trương Thị P); chồng là Lương Văn T, đã ly hôn, có 01 con sinh năm 2006; hiện nay đang chung sống với anh Triệu Hữu B; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 22/10/2017, tạm giam từ ngày 25/10/2017 đến nay - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Công T, Luật sư cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn - Có mặt;

- Bị hại: Chị Lim Thị H, sinh năm 1990; cư trú tại: Xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Lương Thị Hương L, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Vi Thị Hồng A quen một người đàn ông Trung Quốc tên là T. Khi liên lạc quan điện thoại với nhau, T đặt vấn đề với Vi Thị Hồng A về việc đưa người Việt Nam sang Trung Quốc lao động, Vi Thị Hồng A sẽ được trả tiền công.

Tháng 9 năm 2017, Vi Thị Hồng A về quê ở huyện Q, tỉnh Nghệ An thăm gia đình. Khoảng cuối tháng 9 năm 2017, khi đi chợ thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, Vi Thị Hồng A gặp chị Lim Thị H, hai người nói chuyện, hỏi thăm nhau về công việc, bị cáo biết chị Lim Thị H công việc không ổn định nên đặt vấn đề giới thiệu việc làm cho chị Lim Thị H tại công ty ở Trung Quốc, lương tháng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, sau đó hai bên cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Đầu tháng 10 năm 2017, chị Lim Thị H gọi điện thoại cho bị cáo để nhận lời đi làm thuê tại Trung Quốc. Sau khi nhận được thông tin của chị Lim Thị H, bị cáo liên lạc với T, nhưng T nói cuối năm, không có việc làm; bị cáo Vi Thị Hồng A hỏi T có ai cần lấy vợ không, giá là 20.000 nhân dân tệ/người thì được T trả lời có. Sau đó bị cáo liên lạc, hẹn chị Lim Thị H lên Lạng Sơn để bị cáo đưa chị Lim Thị H đi Trung Quốc, lúc này, bị cáo vẫn nói với chị Lim Thị H là sang Trung Quốc làm việc.

Chiều tối ngày 05/10/2017, chị Lim Thị H đi xe khách từ Nghệ An lên Lạng Sơn. Sáng ngày 06/10/2017, bị cáo Vi Thị Hồng A đón chị Lim Thị H tại Bến xe phía Bắc Lạng Sơn và thanh toán tiền vé xe của chị Lim Thị H với số tiền 250.000 đồng; chiều cùng ngày, bị cáo Vi Thị Hồng A đưa chị Lim Thị H vào khu vực Cửa khẩu C, huyện L, sau đó hai người đi theo đường mòn sang khu vực chợ A, Trung Quốc. Người đàn ông Trung Quốc tên là T đón bị cáo và chị Lim Thị H tại khu vực chợ A, rồi đưa hai người vào thành phố N, Trung Quốc thuê nhà nghỉ. Khoảng ba ngày sau thì có người đến xem mặt chị Lim Thị H và đồng ý mua. Chị Lim Thị H được đưa về nhà người đàn ông tên là P, là người mua chị Lim Thị H về làm vợ; T là người nhận tiền với gia đình P và T trả cho bị cáo Vi Thị Hồng A 15.000 nhân dân tệ, còn 5.000 nhân dân tệ như đã thỏa thuận T nói sẽ chuyển cho bị cáo sau. Khi quay về Việt Nam, bị cáo Vi Thị Hồng A cầm của chị Lim Thị H một túi xách tay, một điện thoại di động.

Khi biết bị lừa bán cho người đàn ông Trung Quốc, chị Lim Thị H đã tìm cách liên lạc với gia đình để báo cơ quan chức năng giải cứu; ngày 21/10/2017, chị Lim Thị H đã được giải cứu về Việt Nam.

Quá trình điều tra, chị Lim Thị H từ chối giám định pháp y về tình dục; anh Triệu Hữu B, là người chung sống với bị cáo Vi Thị Hồng A đã giao nộp cho Cơ quan điều tra một ví cầm tay màu xanh.

Tại Bản cáo trạng số 12/VKS-P1 ngày 28/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Vi Thị Hồng A về Tội mua bán người quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lim Thị H đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự của bị cáo theo quy định và yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Vi Thị Hồng A từ 07 đến 08 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu để tiêu hủy một túi xách tay màu xanh, hiệu Chanel; truy thu số tiền 48.000.000 đồng, là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị công nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường số tiền 50.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Lim Thị H.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị Hồng A trình bày: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh ra, lớn lên ở vùng sâu, vùng xa của tỉnh Nghệ An; khi về chung sống với anh Triệu Hữu B, bị cáo cũng sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn của huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Bản thân bị cáo không được học hành, hiểu biết pháp luật hạn chế; tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không truy thu tiền đối với bị cáo và áp dụng hình phạt ở mức thấp mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Vi Thị Hồng A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng; giải thích, hướng dẫn bị cáo, bị hại tiếp cận trợ giúp pháp lý theo quy định. Các quyết định, hành vi tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị hại: Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã triệu tập chị Lim Thị H tham gia phiên tòa sơ thẩm. Ngày 05/4/2018, chị Lim Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc chị Lim Thị H vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó, căn cứ khoản 1

Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại.

[3] Về nội dung vụ án: Khoảng cuối tháng 9 năm 2017, bị cáo Vi Thị Hồng A và chị Lim Thị H gặp nhau tại chợ thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Qua nói chuyện, bị cáo đã đặt vấn đề đưa chị Lim Thị H đi Trung Quốc làm thuê. Tuy nhiên, khi biết vào dịp cuối năm không có việc làm, bị cáo đã nảy sinh ý định đưa chị Lim Thị H sang Trung Quốc bán. Ngày 06/10/2017, chị Lim Thị H có mặt tại Lạng Sơn, cùng ngày bị cáo Vi Thị Hồng A đã đưa chị Lim Thị H sang Trung Quốc; sau vài ngày, bị cáo đã bán chị Lim Thị H cho một người đàn ông Trung Quốc và nhận được số tiền 15.000 nhân dân tệ.

[4] Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của chị Lim Thị H về quá trình bị đưa sang Trung Quốc bán. Do đó, có căn cứ xác định bị cáo phạm Tội mua bán người quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy rằng, hành vi mà bị cáo thực hiện là đặc biệt nguy hiểm. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người nói chung, của người phụ nữ nói riêng. Việc mua bán người, đặc biệt là mua bán phụ nữ để đưa ra nước ngoài, trong đó có Trung Quốc, có diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và gây bất bình trong dư luận quần chúng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, do đó, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

[7] Ngoài tình tiết định khung tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác.

[8] Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo Vi Thị Hồng A là người có nhân thân tốt. Mặc dù nhận thức được việc mua bán người là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi ích vật chất nên bị cáo vẫn thực hiện. Điều đó thể hiện bị cáo là người thiếu tu dưỡng, rèn luyện bản thân và coi thường pháp luật.

[9] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả của tội phạm, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt phù hợp, bảo đảm tính giáo dục riêng và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[10] Bị cáo không có tài sản, không có việc làm, do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lim Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 50.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng chi phí đi lại; 5.000.000 đồng chi phí công tìm kiếm; 20.000.000 đồng bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm; 20.000.000 đồng bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm;

không yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc điện thoại di động mà bị cáo đã cầm của chị Lim Thị H.

[12] Xét thấy, chị Lim Thị H là bị hại trong vụ án, đã bị bán sang Trung Quốc, sau 15 ngày mới được giải cứu. Do đó, chị Lim Thị H yêu cầu bồi thường thiệt hại là có căn cứ. Về mức bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Lim Thị H. Xét thấy, việc bị cáo nhận trách nhiệm bồi thường là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[13] Đối với chiếc điện thoại di động của chị Lim Thị H, mặc dù bị cáo đã cầm của chị Lim Thị H và đến nay không thu giữ được, nhưng chị Lim Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[14] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra tạm giữ một chiếc ví cầm tay màu xanh của chị Lim Thị H, do anh Triệu Hữu B giao nộp. Xét thấy, chiếc ví là tài sản hợp pháp của chị Lim Thị H, nhưng chị Lim Thị H xác định đã cũ, không còn giá trị sử dụng, không đề nghị được lấy lại, do đó tịch thu để tiêu hủy.

[15] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai khi đưa chị Lim Thị H sang Trung Quốc bán, bị cáo đã được nhận số tiền 15.000 nhân dân tệ, quy đổi được 48.000.000 đồng, số tiền này bị cáo đã chi tiêu hết. Xét thấy, quá trình điều tra không thu giữ được tiền, tài sản của bị cáo; ngoài lời khai của bị cáo không có tài liệu khác chứng minh về số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử không truy thu số tiền 48.000.000 đồng đối với bị cáo.

[16] Về án phí: Bị cáo Vi Thị Hồng A bị kết án và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[17] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Vi Thị Hồng A (tên gọi khác: Lương Thị H) phạm Tội mua bán người;

Xử phạt bị cáo Vi Thị Hồng A 07 (bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22 tháng 10 năm 2017.

2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Vi Thị Hồng A về việc bồi thường thiệt hại, cụ thể, bị cáo Vi Thị Hồng A có trách nhiệm bồi thường cho chị Lim Thị H tổng số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) gồm chi phí đi lại 5.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm 20.000.000 đồng; bồi thường do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm 20.000.000 đồng; chi phí công tìm kiếm 5.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu để tiêu hủy một chiếc ví cầm tay màu xanh, nhãn hiệu Chanel.

(Vật chứng trên được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/02/2018).

4. Về án phí: Bị cáo Vi Thị Hồng A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (hai triệu năm trăm nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Lim Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa HS, HCTP, P.KTNV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Lệ Hường